TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-ST
Ngày 30-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sơn.

Ông Nguyễn Như Tạ.

- Thư ký phiên toà: Ông Bà Nguyễn Thị Chiên, Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại phòng xét xử - Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T (tên gọi khác: B); sinh năm 2003; nơi sinh tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 (đã chết) và con bà Nông Thị C, sinh năm 1977; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án: tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2022/HS-ST ngày 29/8/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 18/12/2022, chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2023 - có mặt.

Bị hại: Ông Đoàn Ngọc B1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có đơn xin vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Bà Lò Thị Bé L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Hoàng Văn T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 9/2023, Hoàng Văn T (Sinh năm 2003, trú tại: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông) đến quán I, thuộc thôn I, xã N, huyện Đ chơi game và ăn, ở tại đây. Ngày 07/9/2023, do hết tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 6 giờ sáng ngày 07/9/2023, T đi ra đoạn đường bê tông phía sau quán I tìm

tài sản để trộm cắp, khi đi được khoảng 400m trên đoạn đường bê tông, T nhìn thấy ở khu đất trống cạnh bê tông có 06 (sáu) khung sắt dạng hình thang, có cùng kích thước (290 x 51) cm (khuôn đổ tấm đan bê tông) nằm cạnh công trình xây dựng nhà ở của gia đình anh Đoàn Ngọc B1 (sinh năm 1973, trú tại: thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) thuộc thôn I, xã N, huyện Đ. Sau khi quan sát thấy không có người trông coi, T lén lút đi vào lấy trộm 02 khung sắt mang đến bán cho bà Lò Thị Bé L (sinh năm 1969, trú tại thôn I, xã N, huyện Đ, là chủ cơ sở thu mua phế liệu) được số tiền 160.000 đồng. Sau đó, T sử dụng số tiền trên quay lại quán I tiếp tục chơi game, ăn, ở tại quán. Đến ngày 09/9/2023 và ngày 10/9/2023, sau khi hết tiền tiêu xài, T tiếp tục đến bãi đất trống trên lấy trộm 04 khung sắt còn lại của ông B1 mang đi bán cho bà L được tổng số tiền 320.000 đồng, rồi sử dụng số tiền trên chơi game, ăn uống tại quán I. Khoảng 7 giờ sáng ngày 11/9/2023, T tiếp tục đi bộ đến nơi đã lấy trộm 06 khung sắt của anh B1 nhằm mục đích tìm tài sản để trộm cắp thì bị quần chúng nhân dân phát hiện báo Công an xã N. Tại Cơ quan Công an Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ về hành vi trộm cắp nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KLHĐĐG ngày 22/9/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 06 (sáu) khung sắt dạng hình thang, có cùng kích thước (290x51) cm, tổng trọng lượng 82,8 kg là kim loại sắt, dạng sắt phế liệu có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 82,8 kg x 7.500 đồng = 621.000 đồng.

Về đồ vật, tài liệu thu giữ và xử lý vật chứng như sau:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ: 06 (sáu) khung sắt dạng hình thang, có cùng kích thước (290x51) cm, có tổng khối lượng 82,8 kg.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Đoàn Ngọc B1 06 khung sắt là tài sản hợp pháp của ông Đoàn Ngọc B1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đoàn Ngọc B1 đã nhận lại tài sản do bị cáo Hoàng Văn T trộm cắp không yêu cầu gì thêm nên không đề cập xử lý.

Bà Lò Thị Bé L có đơn yêu cầu Hoàng Văn T trả lại số tiền 480.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 76/CT-VKS-ĐL ngày 20/11/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/9/2023.

Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ban hành quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Đoàn Ngọc B1 06 khung sắt là tài sản hợp pháp của ông B1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đoàn Ngọc B1 đã nhận lại tài sản do Hoàng Văn T trộm cắp và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Bé L không yêu cầu T phải bồi thường số tiền 480.000 đồng nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên toà, bị cáo Hoàng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng, thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp truy tố về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Toà án đã triệu tập hợp lệ bị hại ông Đoàn Ngọc B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Bé L tham gia phiên tòa nhưng ông B1, bà L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Những người này đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Khoảng 6 giờ sáng ngày 07/9/2023, T đã lấy trộm 02 khung sắt dạng hình thang kích thước 290x51 cm của ông Đoàn Ngọc B1 tại thôn I, xã N, huyện Đ bán cho bà Lò Thị Bé L, là chủ cơ sở thu mua phế liệu được số tiền 160.000 đồng. Ngày 09/9/2023 và ngày 10/9/2023, T tiếp tục lấy trộm 04 khung sắt kích thước 290x51 cm còn lại của ông B1 mang đi bán cho bà L được tổng số tiền 320.000 đồng. Khoảng 7 giờ sáng ngày 11/9/2023, T tiếp tục đi bộ đến nơi đã lấy trộm 06 khung sắt của ông B1 nhằm mục đích tìm tài sản để trộm cắp thì bị phát hiện. Tại Cơ quan Công an Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ về hành vi trộm cắp nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KLHĐĐG ngày 22/9/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 06 (sáu) khung sắt dạng hình thang, có cùng kích thước 290x51 cm, tổng trọng lượng 82,8 kg là kim loại sắt, dạng sắt phế liệu có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 82,8 kg x 7.500 đồng = 621.000 đồng.

Hoàng Văn T đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2022/HS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Ngày 18/12/2022, T chấp hành xong chưa được xóa án tích. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Hoàng Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

..."

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật; xâm phạm tài sản của người khác; làm mất trật tự an toàn xã hội; bị toàn xã hội lên án nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[4]. Tình tiết định khung hình phạt: Hoàng Văn T đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2022/HS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Ngày 18/12/2022, T chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Qúa trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo về vi phạm tội của mình, tài sản đã được trả lại cho bị hại ông Đoàn Ngọc B1, phía bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Bé L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đoàn Ngọc B1 đã nhận lại tài sản do Hoàng Văn T trộm cắp và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Bé L không yêu cầu T phải trả lại số tiền 480.000 đồng nên không đề cập giải quyết.

[7]. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ban hành quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Đoàn Ngọc B1 06 khung sắt là tài sản hợp pháp của ông B1.

[8]. Đối với bà Lò Thị Bé L là người mua 06 khung sắt do Hoàng Văn T mang đến bán vào các ngày 07, 09 và ngày 10/9/2023 với giá 480.000 đồng. Tuy nhiên, bà L không biết 06 khung sắt T mang đến bán là tài sản do T trộm cắp mà có. Đồng thời bà L không trao đổi, thỏa thuận, hứa hẹn, giúp sức cho T trong việc thực hành vi trộm cắp 06 khung sắt trên. Vì vậy, không xem xét xử lý bà Lò Thị Bé L.

[9]. Xét quan điểm và đường lối xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn.

[10]. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/9/2023.

3. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ban hành quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Đoàn Ngọc B1 06 khung sắt là tài sản hợp pháp của ông B1.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đoàn Ngọc B1 đã nhận lại tài sản do Hoàng Văn T trộm cắp và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Bé L không yêu cầu T phải trả lại số tiền 480.000 đồng nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC 10 CA tỉnh Đắ Nông;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Quy